

Bản án số: 21/2020/DS - ST

Ngày: 29- 9-2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

**- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đóa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đậu Cao Nhu

2. Bà Hồ Thị Huệ

**- *Thư ký phiên Tòa:*** Bà Vũ Hoàng Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

**- *Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 91/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Th VN

Địa chỉ: Số 108 Tr H Đ, quận HK, thành phố HN.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Đức Th- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Vũ Tr - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản ủy quyền số: 902/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 16/11/2018) của Ngân hàng C Th VN. Ông Tr có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Khối 1, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh NgA.

2. *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965. Có mặt.

Bà Thái Thị T, sinh năm 1964. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Xóm 8, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đậu Ngọc H, sinh năm 1971. Có mặt.

Bà Lê Thị H, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Xóm 10, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA.

3.2. Ông Thái Bá L, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Xóm 5, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C Th VN ông Nguyễn Vũ Tr trình bày có nội dung:

Ngày 04/7/2017, Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA đã ký hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 17402017/2017-HĐTD/NHCT444-NGUYENVANHOA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T vay số tiền 6.474.000.000 đồng (sáu tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu đồng) và Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA đã giải ngân cho ông H bà T hai lần: Lần 1 là 2.749.000.000 và lần 2 là 3.725.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng. Mục đích vay vốn là để đóng mới tàu cá vỏ gỗ công suất 829CV khai thác thủy sản theo nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014. Thời hạn cho vay: 132 tháng. Lãi suất cho vay: Trong 1 năm đầu tiên kể từ thời điểm khách hàng nhận nợ lần đầu, lãi suất cho vay được Nhà nước cấp bù toàn bộ. Từ năm thứ 2 trở đi lãi suất cho vay trong hạn là 7%/năm (trong đó nhà nước cấp bù lãi suất là 4%/năm, khách hàng phải trả lãi suất cho Ngân hàng là 3%/năm) và lãi suất cho vay này có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng C Th trong từng thời kỳ. Trường hợp khách hàng phát sinh nợ quá hạn thì không được hưởng lãi suất ưu đãi cấp bù của nhà nước là 4%/năm, khách hàng phải trả theo lãi suất 7%/năm trong thời gian quá hạn. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T đã trả được số tiền nợ gốc tính từ ngày 04 tháng 10 năm 2018 đến 04 tháng 10 năm 2019 là 727.408.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2018 đến 04 tháng 9 năm 2019 (gồm 14 kỳ nộp lãi): 232.137.391 đồng.

Khi vay ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T đã thế chấp các tài sản:

1. Tàu cá vỏ gỗ công suất 822CV; số đăng ký: NA-91122-TS mang tên Nguyễn Văn H theo hợp đồng thế chấp tàu cá số: 17402017.01/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T.

2. Tài sản thế chấp là bất động sản:

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 843; tờ bản đồ số 113-70, diện tích đất là 190 m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất ở: 190 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là một nhà cấp bốn có diện tích sử dụng là 60 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại xóm 8, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 782364, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X8-39 QSD/07 QĐ-UBND do UBND huyện QL cấp ngày 10/01/1997 mang tên Nguyễn Văn H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.02/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T.

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 229; tờ bản đồ số 113-70, diện tích đất là 170 m<sup>2</sup> (Một trăm bảy mươi mét vuông). Trong đó: Đất ở là 110 m<sup>2</sup> ; Đất vườn: 60 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là 01 nhà hai tầng và tầng bán hầm có diện tích sử dụng 270 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại xóm 10, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 756556, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/97 do UBND

huyện QL cấp ngày 20/6/1997 mang tên ông Đậu H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.03/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Đậu Ngọc H và bà Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 1243; tờ bản đồ số 113-71, diện tích đất là 157 m<sup>2</sup> (Một trăm năm mươi bảy mét vuông). Trong đó: Đất ở: 157 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn có diện tích xây dựng 60 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại Xóm 5, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 427751, Sổ vào sổ: 200CN QSDĐ do UBND huyện QL cấp ngày 04/8/2003 mang tên ông Thái Bá L theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.04/HĐTC ngày 30/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Thái Bá L và bà Trần Thị Ph.

Trong thời gian qua ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T thường xuyên không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến thời điểm hiện nay ông H và bà T mới trả được cho ngân hàng 727.408.000 đồng tiền gốc và 232.137.391 đồng tiền lãi. Từ ngày 04/10/2019 ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T đã bị quá hạn tiền lãi, không trả lãi đúng hạn theo hợp đồng ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày 20/5/2020, ông H và bà T còn nợ ngân hàng số tiền là : **6.021.128.572** (Sáu tỷ không trăm hai mươi một triệu một trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 5.746.600.000 đồng (*năm tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*), nợ lãi đến ngày 20/5/2020 ( bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 274.528.527 (*hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm hai mươi tám nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng*).

Số nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 04/10/2019. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T yêu cầu trả nợ nhưng ông H và bà T không thực hiện được.

**Nay Ngân hàng TMCP C Th VN yêu cầu Tòa án giải quyết:**

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T trả nợ đầy đủ số tiền gốc là: 5.686.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020 số tiền là 426.273.490 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là: 6.112.873.490 (*Sáu tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*) và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP C Th VN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng TMCP C Th VN cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp tàu cá số 17402017.01/HĐTC ngày 28/6/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/17402017.01/VBSĐBSHĐTC, ngày 28/9/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17402017.02/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17402017.03/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Đậu Ngọc H và bà Lê Thị H và Hợp đồng thế chấp bất động

sản số 17402017.04/HĐTC ngày 30/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Thái Bá L và bà Trần Thị Ph.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với ViettinBank. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C Th VN.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T thống nhất trình bày:*

Vào thời gian ngày 4 tháng 7 năm 2017, vợ chồng ông H, bà T có nhu cầu vay tiền để đóng tàu theo Nghị định 67, đã làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA số tiền 6.474.000.000đ (Sáu tỉ bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng). Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên thành hai lần: lần thứ nhất 2.749.000.000đ và lần 2 là 3.725.000.000đ. Vợ chồng ông bà đã nhận đủ số tiền trên. Khi vay lãi suất 3%/ năm (nhà nước hỗ trợ 4%/năm), thời hạn trả nợ 11 năm , năm đầu tiên không phải trả nợ gốc và nợ lãi (theo Nghị Định 67); thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên.

Quá trình vay vốn có thể chấp tài sản gồm:

- Tàu cá vỏ gỗ công suất 822CV; số đăng ký: NA-91122-TS mang tên Nguyễn Văn H theo hợp đồng thế chấp tàu cá số: 17402017.01/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN – Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T.

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 843; tờ bản đồ số 113-70, diện tích đất là 190 m<sup>2</sup>. Trong đó: Đất ở: 190 m<sup>2</sup>. Tài sản trên đất là một nhà cấp bốn có diện tích sử dụng là 60 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại xóm 8, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 782364, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X8-39 QSD/07 QĐ-UBND do UBND huyện QL cấp ngày 10/01/1997 mang tên Nguyễn Văn H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.02/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T.

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 229; tờ bản đồ số 113-70, diện tích đất là 170 m<sup>2</sup> (Một trăm bảy mươi mét vuông). Trong đó: Đất ở là 110 m<sup>2</sup> . Tài sản trên đất là 01 nhà hai tầng và tầng bán hầm có diện tích sử dụng 270 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại xóm 10, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 756556, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/97 do UBND huyện QL cấp ngày 20/6/1997 mang tên ông Đậu H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.03/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Đậu Ngọc H và bà Lê Thị T.

- Quyền sử dụng đất có thửa đất số 1243; tờ bản đồ số 113-71, diện tích đất là 157 m<sup>2</sup> (Một trăm năm mươi bảy mét vuông). Trong đó: Đất ở: 157 m<sup>2</sup> . Tài sản trên đất là 01 nhà cấp bốn có diện tích xây dựng 60 m<sup>2</sup> cùng toàn bộ các tài sản cố định khác gắn liền trên thửa đất trên có địa chỉ tại Xóm 5, xã SH, huyện QL, tỉnh NgA.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 427751, Sổ vào sổ: 200CN QSDĐ do UBND huyện QL cấp ngày 04/8/2003 mang tên ông Thái Bá L theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.04/HĐTC ngày 30/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Thái Bá L và bà Trần Thị Ph.

Sau khi vay, vợ chồng ông bà đã trả được nợ gốc 727.400.000đồng và nợ lãi 232.137.391 đồng.

Sau đó từ tháng 10 năm 2019 thì không trả được nợ lãi nên chuyển thành nợ quá hạn.

Nay ngân hàng C Th VN yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền nợ gốc và lãi như trên thì ý kiến của ông H bà T là đề nghị Ngân hàng gia hạn thêm thời hạn trả nợ, vì theo thông tư 01/2020/NHNN ngày 13/3/2020 về việc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch covid – 19.

Đồng thời đề nghị Ngân hàng phối hợp với sở nông nghiệp và UBND huyện rà soát phân loại các nhóm nợ để xin ý kiến tỉnh có biện pháp xử lý theo thông báo số 335 ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Nghệ An.

Về tài sản bảo đảm, theo nghị định 67, các tài sản thế chấp không phải là thế chấp mà là tín chấp để khởi đi vay ngoài nữa. Còn tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay (con tàu). Nên ngân hàng đề nghị phát mại các tài sản bảo đảm thì ông bà không đồng ý.

*Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Ngọc H trình bày:*

Khi ông H và bà T vay tiền tại ngân hàng C Th thì vợ chồng ông H, bà H có thế chấp Quyền sử dụng đất thửa 299, tờ bản đồ số 113-70, diện tích 170 m<sup>2</sup> tại xóm 10, xã S H, huyện QL, tỉnh Ng A và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà hai tầng và 01 tầng bán hầm có tổng diện tích xây dựng 270 m<sup>2</sup>, các tài sản khác gắn liền với đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 756556, cấp ngày 20/6/1997 mang tên ông là Đậu H.

Nay Ngân hàng yêu cầu trả số tiền như trên thì ý kiến của ông H là đề nghị Ngân hàng giãn nợ, cho thêm thời gian để trả nợ, tạo điều kiện cho tàu hoạt động khai thác. Đồng thời đề nghị ngân hàng giảm lãi suất.

Nếu không trả được nợ thì ông cũng không nhất trí phát mại tài sản thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng ông mà chỉ nhất trí phát mại con tàu để trả nợ cho Ngân hàng.

*Tại biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph trình bày:*

Khi ông H và bà T vay tiền tại Ngân hàng C Th thì vợ chồng bà Ph có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất thửa 1243 tờ bản đồ số 113-71 diện tích 157 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp bốn và các tài sản cố định trên đất tại xóm 5, xã S H, huyện Q L, tỉnh Ng A, đã được UBND huyện Q L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 200CN ngày 04/8/2003 mang tên Thái Bá L. Nay Ngân hàng

yêu cầu trả số tiền như trên thì ý kiến của bà Ph là đề nghị Ngân hàng giãn nợ, cho thêm thời gian để trả nợ, tạo điều kiện cho tàu hoạt động khai thác. Đồng thời đề nghị ngân hàng giảm lãi suất.

Nếu ông H, bà T không trả được nợ thì bà cũng không nhất trí phát mại tài sản thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng bà mà chỉ nhất trí phát mại con tàu để trả nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Thái Bá L nhiều lần, nhưng ông L không đến Tòa án làm việc và không có bản khai gửi Tòa án.

*Kết quả xác minh, thẩm định tại chỗ:*

1. Tàu đánh cá đăng ký số: NA- 91122-TS có đặc điểm tàu cá vỏ gỗ công suất 829CV, màu sơn xanh, kích thước:

+ Lmax x Bmax x D = 24.2m x 5,69m x 1,85m.

+ Ltk x Btk x d = 17,52m x 6,9m x 2,09m.

Lắp máy: 01 máy chính MITSUBISHI Nhật Bản, số máy S6R-77439; công suất 829CV; Loại thiết kế: Điều chỉnh thiết kế kỹ thuật; tên thiết kế NgA-004-TS, năm thiết kế 2016.

Tàu đánh cá hiện nay đăng ký mang tên ông Nguyễn Văn H, hiện trạng giữ nguyên như khi đăng ký thế chấp, con tàu còn mới, ông H đang sử dụng không chuyển nhượng cho ai, không có ai tranh chấp.

2. Thửa đất số 843; tờ bản đồ số 113-70, diện tích đất là 190 m<sup>2</sup> tại xóm 8, xã S H, huyện Q L, tỉnh Ng A mang tên Nguyễn Văn H. Theo bản đồ đo số là thửa 207, tờ bản đồ số 11, có diện tích bằng diện tích đo thực tế là 252,9 m<sup>2</sup> Trong đó: Đất ở: 252,9 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía bắc giáp đường xóm và đất Nguyễn Văn N dài 16,2m; Phía Nam giáp đường xóm dài 18,2 m; Phía Đông giáp đất Nguyễn Văn N dài 13,8m; Phía Tây giáp đất Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Thùy Tr dài 15,8m.

Tài sản trên đất là một nhà cấp bốn 03 gian, có 01 gian lòi, diện tích xây dựng 70 m<sup>2</sup>, mái lợp ngói, gỗ 01 vì, nền lát gạch hoa, sân lát xi măng, nhà bếp và công trình phụ diện tích sử dụng 30 m<sup>2</sup>, sân lợp mái tôn, tường bao xây sò tấp lờ. Các tài sản thế chấp hiện tại không thay đổi so với khi đăng ký thế chấp, do ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

3. Thửa đất số 229; tờ bản đồ số 113-70, diện tích đất là 170 m<sup>2</sup> (đất ở 110 m<sup>2</sup> và đất vườn 60 m<sup>2</sup>) tại xóm 10, xã S H, huyện Q L, tỉnh Ng A mang tên Đậu H (tên gọi khác: Đậu Ngọc H). Theo bản đồ đo số là thửa số 275, tờ bản đồ số 8, có diện tích bằng diện tích đo thực tế là 109,2 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 48B dài 3,5m; Phía Nam giáp ruộng dài 3,6 m; Phía Đông giáp đất Trần Văn X dài 30,4 m; Phía Tây giáp đất Trần Đức M dài 30,6 m.

Tài sản trên đất là một nhà 02 tầng và 1 tầng bán hầm diện tích xây dựng 270 m<sup>2</sup>. Các tài sản thế chấp hiện tại không thay đổi so với khi đăng ký thế chấp, do ông Đậu Ngọc H và bà Lê Thị H đang sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

4. Thửa đất số 1243; tờ bản đồ số 113-71, diện tích đất là 157 m<sup>2</sup> tại xóm 5, xã S H, huyện Q L, tỉnh Ngh A mang tên Thái Bá L. Theo bản đồ đo số là thửa 38, tờ bản đồ số 14, có diện tích bằng diện tích đo thực tế là 146,2 m<sup>2</sup> Trong đó: Đất ở:

146,2 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất Nguyễn Thị H, Thái Bá Y dài 4,4m + 5,9m; Phía Nam giáp đất Nguyễn Văn H dài 12,8 m; Phía Đông giáp đất Vũ Văn H dài 12,1m; Phía Tây giáp ngõ đi và đất Thái Bá L dài 5,1m + 7,6m.

Tài sản trên đất là một nhà cấp bốn 03 gian, diện tích xây dựng 60 m<sup>2</sup>, mái lợp ngói, gỗ 01 vì, nền lát gạch hoa, sân láng xi măng, nhà bếp và công trình phụ diện tích sử dụng 30 m<sup>2</sup>, tường bao xây sò tấp lô và đá. Các tài sản thế chấp hiện tại không thay đổi so với khi đăng ký thế chấp, do ông Thái Bá L và bà Trần Thị Ph sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C Th VN. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T trả cho Ngân hàng TMCP C Th VN qua Chi nhánh Bắc NgA số tiền tính đến ngày 29/9/2020 là: 6.112.873.490 (*Sáu tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*). Trong đó: Tiền gốc 5.686.600.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020 số tiền là 426.273.490 đồng. Và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông H, bà T không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 6.000.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí trên theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C Th VN tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Ngọc H, bà Lê Thị H, ông Thái Bá L, bà Trần Thị Ph có địa chỉ tại xã S H, huyện Q L, tỉnh Ng A. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Bá L, bà Trần Thị Ph và bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L, bà Ph và bà H là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật giải quyết: Quan hệ vay tài sản phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng ngân hàng của ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T xảy ra từ năm 2017. Do ông H và bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, ngày 20/5/2020 nguyên đơn làm đơn khởi kiện đến Tòa án nên pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Theo nguyên đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án thì ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 17402017/2017-HĐTD/NHCT444-NGUYENVANHOA ngày 04 tháng 7 năm 2017 và các giấy nhận nợ số 01 ngày 05/7/2017; giấy nhận nợ số 02 ngày 10/7/2017 để vay vốn của Ngân hàng TMCP C Th VN số tiền vay: 6.474.000.000 đồng (Sáu tỷ bốn trăm bảy mươi tư triệu đồng). Bản hợp đồng tín dụng này thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và nội dung không trái pháp luật nên có hiệu lực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T đã trả cho ngân hàng 727.400.000 đồng tiền gốc và 232.137.391 đồng tiền lãi, sau đó ông H, bà T không thanh toán được khoản nào nữa nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Theo bảng kê của Ngân hàng xuất trình tính đến ngày 29/9/2020, ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T còn nợ ngân hàng C Th VN - CN Bắc NgA số tiền là : **6.112.873.490đ** (Sáu tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 5.686.600.000đ (*năm tỷ sáu trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*), nợ lãi tính đến ngày 29/9/2020 ( bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 426.273.490đ (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*).

Hợp đồng tín dụng đã quá hạn thanh toán, lỗi thuộc về bên vay do không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng TMCP C Th VN khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải trả tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2020 là: 6.112.873.490 (*Sáu tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*) . Trong đó, nợ gốc là 5.686.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 414.227.290 đồng và lãi quá hạn là 12.046.200 đồng.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn Ngân Hàng TMCP C Th VN là chủ nợ khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi tổng cộng là 6.112.873.490 (*Sáu tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Về tài sản thế chấp, bảo lãnh cho khoản vay:

- Hợp đồng thế chấp tàu cá số 17402017.01/HĐTC ngày 28/6/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/17402017.01/VBSĐBSHĐTC, ngày 28/9/2018 để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số: 17402017/2017-

HĐTD/NHCT444-NGUYENVANH ngày 04 tháng 7 năm 2017 được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, có đơn đăng ký thế chấp, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng đúng thủ tục, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 317, 335 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17402017.02/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN- Chi nhánh Bắc NgA với ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T; hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.03/HĐTC ngày 28/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN với ông Đậu Ngọc H và bà Lê Thị H; hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.04/HĐTC ngày 30/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP C Th VN với ông Thái Bá L và bà Trần Thị Ph, để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 17402017/2017-HĐTD/NHCT444-NGUYENVANH ngày 04 tháng 7 năm 2017 được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, có đơn đăng ký thế chấp, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q L đúng thủ tục, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 317, 335 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy trong trường hợp bên vay là ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T không trả được nợ thì xử lý phát mại tài sản của ông Nguyễn Văn H, bà Thái Thị T; ông Đậu Ngọc H và bà Lê Thị H; ông Thái Bá L và bà Trần Thị Ph theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng Ngân hàng cần giãn nợ do ảnh hưởng của dịch covid 19, tuy nhiên khoản nợ của ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T đã quá hạn từ tháng 10 năm 2019, đồng thời ông H bà T không chứng minh được việc không trả nợ được do ảnh hưởng của dịch covid19 được Ngân hàng xác nhận. Do đó không có cơ sở để cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi phí theo quy định tại Thông tư 01/2010/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, như bị đơn trình bày. Đồng thời, tại điểm đ khoản 1 điều 4 Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ quy định “ Tài sản thế chấp: Chủ tàu được thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay”. Nghĩa là, việc thế chấp của các chủ tàu tại Ngân hàng bao gồm cả tài sản được hình thành trong tương lai, không phải như bị đơn trình bày là tài sản bảo đảm là con tàu, còn các tài sản khác không phải là tài sản thế chấp. Do đó việc không chấp nhận phát mại tài sản thế chấp khi không trả được nợ vì lý do các tài sản thế chấp ngoài con tàu không phải là tài sản thế chấp là không có căn cứ.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và đã chi hết số tiền trên. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, do đó buộc bị đơn ông

Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP C Th VN số tiền 6.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 6.112.873.490 (*Sáu tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*) được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.112.873đ (*Một trăm mười bốn triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.011.000 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003786 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

***Vì các lý do trên***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 317, Điều 319, Điều 335, Điều 351, Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158; khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C Th VN thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP C Th Bắc NgA về khoản tiền vay của Hợp đồng tín dụng số 17402017/2017-HĐTD/NHCT444-NGUYENVANH ngày 04 tháng 7 năm 2017, tính đến ngày 29/9/2020 là: 6.112.873.490 (*Sáu tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*). Trong đó, nợ gốc là 5.686.600.000đ (Năm tỷ sáu trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020 số tiền là 426.273.490đ (Bốn trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T có nghĩa vụ chung trả tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ gốc 5.686.600.000đ ( Năm tỷ sáu trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số:

17402017/2017-HĐTD/NHCT444- NGUYENVANH ngày 04/7/2017 cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số: 17402017.01/HĐTC ngày 28/6/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/17402017.01/VBSĐBSHĐTC, ngày 28/9/2018 của ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T là Tàu đánh cá số đăng ký: NA- 91122-TS đứng tên Nguyễn Văn H.

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.02/HĐTC ngày 28/6/2017 của ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T là thửa đất số 843, tờ bản đồ số 113-70, diện tích 190 m<sup>2</sup> (nay là thửa 207, tờ bản đồ số 11, diện tích 252,9 m<sup>2</sup>) được UBND huyện Q L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X8-39 QSD/07QĐ-UB, cấp ngày 10/01/1997, địa chỉ Xóm 8, xã S H, huyện QL, tỉnh NgA đứng tên ông Nguyễn Văn H và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.03/HĐTC ngày 28/6/2017 của ông Đậu Ngọc H và bà Lê Thị H là thửa đất số 229, tờ bản đồ số 113-70, diện tích 170 m<sup>2</sup> (trong đó: Đất ở 110 m<sup>2</sup>, đất vườn 60 m<sup>2</sup>), nay là thửa đất số 275 tờ bản đồ số 8, diện tích 109,2 m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Q L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 756556, cấp ngày 20/6/1997 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất QSDĐ/97; địa chỉ thửa đất: Xóm 10, xã S H, huyện Q L, tỉnh NgA đứng tên ông Đậu H (được đính chính là Đậu Ngọc H) và các tài sản gắn liền trên thửa đất nêu trên.

- Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 17402017.04/HĐTC ngày 30/6/2017 của ông Thái Bá L và bà Trần Thị Ph là thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 113-71, diện tích 157 m<sup>2</sup>; nay là thửa số 38, tờ bản đồ số 14, diện tích 146,2 m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Q L, tỉnh Ng A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 427751, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 200CN QSDĐ, cấp ngày 04/08/2003 địa chỉ thửa đất xóm 5, xã S H, huyện QL, tỉnh NgA đứng tên ông Thái Bá L.

Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho đến khi trả nợ xong.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C Th VN số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Thái Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.112.873 (*Một trăm mười bốn triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C Th VN 57.011.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003786 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Quỳnh Lưu;
- Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu;
- Đương sự;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Phan Thị Đóa**